TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63** /2018/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 6 - 2018
V/v Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đẳng

Ông Đoàn Quốc Thống

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Lụa, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2018/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐST - HNGĐ ngày 23/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh M, sinh năm 1979
Cư trú: Ấp huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị H, sinh năm 1981
Cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh M và chị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung đã xảy ra nhiều vấn đề không đồng thuận dẫn đến tranh cải gay gắt trầm trọng. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không còn. Thấy không thể duy trì cuộc sống chung nên anh M yêu cầu được ly hôn với chị H; chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh M.

Con chung: B, sinh ngày 17/01/2004 và X, sinh ngày 20/11/2005; hiện 02 con đang sống chung với anh M, anh M và chị H thống nhất giao hai con chung cho anh M được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con.

Cấp dưỡng cho con: Anh M không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh M, chị H không yêu cầu Tòa án phân chia.

Về nợ chung: Anh M, chị H xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng chị H không đến và có Đơn từ chối tham gia tố tụng; theo quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] *Hôn nhân*: Anh M và chị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, tuy có đủ các điều kiện kết hôn để đăng ký kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Mặc dù anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa anh M và chị H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Con chung*: B, sinh ngày 17/01/2004 và X, sinh ngày 20/11/2005; hiện 02 con đang sống chung với anh M, anh M và chị H thống nhất giao hai con chung cho anh M được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con. Sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Cấp dưỡng cho con: Anh M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] *Tài sản chung*: Chị H, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Nợ chung*: Anh M, chị H xác định không.

[6] *Án phí*: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, anh M phải chịu án phí dân sự về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 - Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 4 điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: - *Hôn nhân:* Quan hệ giữa anh M và chị H không được công nhận quan hệ vợ chồng.

- *Con chung*: B, sinh ngày 17/01/2004 và X, sinh ngày 20/11/2005 giao cho anh M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân anh M phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011907 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh; anh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- THA DS huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Xuân Miễn